**PHẦN 1: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ THẾ GIỚI SỐNG**

Nội dung chính:

1. Các cấp tổ chức của cơ thể giới sống.

2. Các giới sinh vật

**I. CÁC CẤP ĐỘ TỔ CHỨC CỦA THẾ GIỚI SỐNG**

**1. Giới thiệu các cấp độ tổ chức của thế giới sống**

 **Hình 2.1. Các cấp độ tổ chức của thế giới**

- Thế giới sống được tổ chức theo nguyên tắc thứ bậc chặt chẽ.

Nguyên tử  Phân tử  Bào quan  Tế bào  Mô  Cơ quan  Hệ cơ quan  Cơ thể  Quần thể  Quần xã  Hệ sinh thái  Hệ sinh quyển.

- Các cấp tổ chức sống chính: tế bào, cơ thể, quần thể, quần xã, hệ sinh thái.

- Tế bào là đơn vị cấu tạo nên mọi cơ thể sinh vật và có những đặc điểm quan trọng sau:

+ Là cấp tổ chức quan trọng vì nó biểu hiện đầy đủ các đặc tính của cơ thể sống.

+ Mọi cơ thể sống đều được cấu tạo từ một haynhiều tế bào các tế bào chỉ được sinh ra bằng cách phân chia tế bào.

2. **Đặc điểm chung của các cấp tổ chức sống**

**Hình 2.2. Các cấp tổ chức theo nguyên tắc thứ bậc**

**a. Tổ chức theo nguyên tắc thứ bậc**

- Tổ chức sống cấp dưới làm nền tảng để xây dựng tổ chức sống cấp trên.

- Tổ chức sống cao hơn không chỉ có đặc điểm của các tổ chức sống thấp mà còn có những đặc tính trội hơn.

**b. Hệ thống mở và tự điều chỉnh**

- Hệ thống mở: Sinh vật ở mọi tổ chức đều không ngừng trao đổi vật chất và năng lượng với môi trường nên sinh vật không chỉ chịu sự tác động của môi trường mà còn góp phần làm biến đổi môi trường.

- Mọi cấp tốc độ tổ chức sống từ thấp đến cao đều có cơ chế tự điều chỉnh để đảm bảo duy trì và điều hòa sự cân bằng trong hệ thống giúp hệ thống cân bằng và phát triển.

**c. Thế giới sống liên tục tiến hóa**

- Thế giới sinh vật liên tục sinh sôi và nảy nở, không ngừng tiến hóa.

- Các sinh vật trên Trái đất đều có đặc điểm chung do chung nguồn gốc nhưng tiến hóa theo các hướng khác nhau, giúp thế giới sống đa dạng và phong phú.

**II. CÁC GIỚI SINH VẬT**

**Lịch sử phân loại các giới sinh vật**

- Vào thế kỉ XVIII, nhà phân loại học Cacline chia tất cả sinh vật thành hai giới: giới động vật và giới thực vật.

|  |
| --- |
| + Giới động vật bao gồm những sinh vật không có thành phần xenlulozo, sống dị dưỡng và di chuyển được.+ Giới thực vật bao gồm những sinh vật có thành xenlulozo sống tự dưỡng và cố định. |

- Đến thế kỉ XIX, các loài sinh vật như vi khuẩn, nấm, tảo, được xếp vào giới thực vật. Còn động vật nguyên sinh được xếp vào giới động vật.

- Đến thể kỉ XX, người ta xếp các sinh vật vào hệ thống 5 giới

|  |
| --- |
| + Giới khởi sinh (Monera) gồm: vi khuẩn.+ Giới nguyên sinh (Protista) gồm: động vật nguyên sinh và tảo.+ Giới nấm (Fungi).+ Giới thực vật (Plantae).+ Giới động vật (Animalia). |

**Đặc điểm giới khởi sinh (Monera)**

 Giới khởi sinh gồm vi khuẩn là những sinh vật nhân sơ rất nhỏ bé, có kích thước khoảng 1 – 3pm, chúng xuất hiện khoảng 3,5 tỉ năm trước đây, vi khuẩn sống khắp mọi nơi từ trong đất, trong nước, trong không khí, trên cơ thể sinh vật khác, một số có khả năng tự động tổng hợp chất hữu cơ nhờ năng lượng ánh sáng mặt trời hoặc từ quá tình phân giải các chất hữu cơ và một số sống kí sinh.

|  |
| --- |
| **LƯU Ý**Loài vi khuẩn cổ (Archaea) là nhóm sinh vật xuất hiện sớm nhất, đã từng chiếm ưu thế trên trái đất, nhưng chúng tiến hóa theo một nhánh riêng, hiện nay, chúng thường sống trong những điều kiện rất khắc nghiệt (chịu đựng được nhiệt độ  - , độ muối cao tới 25%). |

**Đặc điểm giới nguyên sinh (Protista)**

Giới nguyên sinh gồm có:

 Tảo: Là những sinh vật nhân thực, đơn bài hay đa bào và có sắc tố quang hợp, tảo có khả năng tổng hợp chất hữu cơ nhờ năng lượng ánh sáng và là sinh vật quang tự dưỡng, sống ở dưới nước.

 Nấm nhầy: Là sinh vật nhân thực, cơ thể tồn tại ở hai pha: pha đơn bào giống trùng amip và pha hợp bào là khối nguyên sinh chất chứa nhiều nhân. Chúng là sinh vật dị dưỡng sống hoại sinh.

 Động vật nguyên sinh: Động vật nguyên sinh rất đa dạng, cơ thể chúng là một tế bào có nhân thực và các bào quan nên tiến hóa hơn các vi sinh vật khác, chúng là vi sinh vật dị dưỡng như trùng giày, trùng biến hình hoặc tự dưỡng như trùng roi.

**Đặc điểm của giới nấm (Fungi)**

Giới nấm gồm những sinh vật nhân thực, hệ sợi, phần lớn có thành tế bào chứa kitin, không có lục lạp, không có lông và roi.

* Chúng sống ở đất, sinh sản hữu tính và vô tính nhờ bào tử nấm, là sinh vật dị dưỡng: hoạt sinh, kí sinh hoặc cộng sinh.
* Các dạng nấm gồm có: chủ yếu là nấm men, nấm sợi, chúng có nhiều đặc điểm khác nhau.
* Người ta cũng xếp địa y vào giới nấm.

|  |
| --- |
| **STUDY TIP**Nấm không thuộc giới thực vật vì:* Nấm không có sắc tố quang hợp nên không có khả năng tự dưỡng.
* Thành tế bào chủ yếu không phải là xenlulozo.
* Nấm chỉ sinh trưởng ở ngọn, vách ngăn ngang giữa các tế bào có lỗ thông.
* Chất dự trữ trong tế bào không phải là tinh bột.
* Sinh sản chủ yếu bằng bào tử.
 |

**Đặc điểm giới thực vật (Plantae)**

Giới thực vật gồm những sinh vật đa bào, nhân thực, có khả năng quang hợp và là sinh vật tự dưỡng, phần lớn sống cố định, có khả năng cảm ứng chậm.

* Giới thực vật được phân thành bốn ngành chính: rêu, quyết, hạt trần, hạt kín. Chúng đều có chung một nguồn gốc là tảo lục đơn bào nguyên thủy.
* Khi chuyển lên đời sống trên cạn, tổ tiên của giới thực vật do phụ thuộc vào điều kiện môi trường khác nhau mà tiến hóa theo hai dòng 8 khác nhau.
* Một dòng hình thành rêu (thể giao tử chiếm ưu thế). Dòng còn lại hình thành quyết, hạt trần, hạt kín (thể bào tử chiếm ưu thế).

|  |
| --- |
| **STUDY TIP*** Giới thực vật cung cấp thức ăn cho giới động vật, điều hóa khí hậu, hạn chế sự xói mòn, lụt lở, lũ lụt, hán hán, giữ nguồn nước ngầm và có vai trò quan trọng trong hệ sinh thái.
* Giới thực vật cung cấp lương thực, thực phẩm, gỗ, dược liệu cho con người.
 |

**Đặc điểm giới động vật (Animalia)**

Giới động vật gồm những sinh vật nhân thực, dị dưỡng, có khả năng di truyền (nhờ có cơ quan vận động), có khả năng phản ứng nhanh.

* Giới động vật được chia thành các ngành chính: thân lỗ, ruột khoang, giun dẹp, giun tròn, giun đốt, thân mềm, chân khớp, da gai và động vật có xương sống như cá, lưỡng cư, bò sát, chim và thú.
* Động vật có vai trò quan trọng đối với tự nhiên (góp phần làm cân bằng hệ sinh thái) và con người (cung cấp thức ăn, nguyên liệu, dược liệu…)

|  |
| --- |
| **STUDY TIP**Giới động vật rất đa dạng và phong phú, nhưng đều có chung một nguồn gốc là tiến hóa theo hướng ngày càng phức tạp về chức năng và thích nghi cao với điều kiện sống. |

**\*So sánh virut với các nhóm động vật, thực vật và nấm**

 Giống nhau: Đều mang những đặc trưng cơ bản của sự sống như:

|  |
| --- |
| * Cấu tạo từ hai dạng vật chất sống cơ bản là protein và axit nucleic.
* Đều có các hoạt động sống cơ bản: Trao đổi chất, sinh trưởng, phát triển, sinh sản, di truyền.
 |

Khác nhau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Virut** | **Thực vật, nấm, động vật** |
| * Chưa có cấu tạo tế bào.
* Cơ thể chỉ gồm một trong hai loại axit nucleic.
* Sống kí sinh bắt buộc.
* Sinh sản phải nhờ vào sự hoạt động của hệ gen của tế bào vật chủ.
 | * Có cấu tạo tế bào gồm: màng tế bào, chất tế bào, nhân, các bào quan.
* Cơ thể gồm hai loại axit nucleic như ADN và ARN.
* Có nhiều hình thức sống khác nhau như dị dưỡng, tự dưỡng.
* Sinh sản hoàn toàn độc lập, nhờ hoạt động hệ gen của cơ thể mình.
 |

**CÂU HỎI ÔN TẬP**

**Câu 1.** Tổ chức sống nào sau đây có cấp thấp nhất so với các tổ chức còn lại?

 **A.** Quần thể **B.** Quần xã **C.** Cơ thể **D.** Hệ sinh thái

**Câu 2.** Cấp tổ chức cao nhất và lớn nhất của hệ sống là:

 **A.** Sinh quyển **B.** Hệ sinh thái **C.** Loài **D.** Hệ cơ quan

**Câu 3.** Tập hợp nhiều tế bào cùng loại và cùng thực hiện một chức năng nhất định tạo thành:

 **A.** Hệ cơ quan **B.** Mô **C.** Cơ thể **D.** Cơ quan

**Câu 4.** Tổ chức nào sau đây là đơn vị phân loại của sinh vật trong tự nhiên?

 **A.** Quần thể **B.** Quần xã **C.** Loài **D.** Sinh quyển

**Câu 5.** Tế bào là đơn vị tổ chức cơ bản của sự sống vì:

1. Tất cả các loài sinh vật đều có cấu tạo từ tế bào.
2. Mọi hoạt động sống của cơ thể đều diễn ra trong tế bào.
3. Cơ sở sinh sản là sự phân bào.

Phương án **đúng** là:

 **A.** 1 **B.** 1, 2 **C.** 1, 2, 3 **D.** 1, 3

**Câu 6.** Nhờ quá trình điều hòa của cơ quan nào mà cơ thể động vật là một thể thống nhất?

 **A.** Hệ tuần hoàn và hệ hô hấp. **B.** Hệ tiêu hóa và hệ nội tiết.

 **C.** Hệ thần kinh và thể dịch. **D.** Nhờ tất cả các hệ cơ quan trong cơ thể.

**Câu 7.** Các cá thể cùng loài, sống chung với nhau trong một vùng địa lí nhất định, tạo nên cấp độ sống nào sau đây?

 **A.** Hệ sinh thái **B.** Quần thể sinh vật **C.** Quần xã sinh vật **D.** Sinh quyển

**Câu 8.** Một cấp độ tổ chức sống **không** có đặc điểm nào sau đây?

1. Là hệ thống mở.
2. Tương tác với môi trường sống.
3. Cấu trúc phù hợp với chức năng sống.
4. Tự điều chỉnh.
5. Không thay đổi.
6. Hoạt động độc lập với chung quanh.

Phương án **đúng** là:

 **A.** 4, 5, 6 **B.** 1, 2, 5 **C.** 5, 6 **D.** 1, 2, 3, 4

**Câu 9.** Hệ thống mở là:

 **A.** Trao đổi chất và năng lượng với môi trường.

 **B.** Cần được môi trường cung cấp năng lượng.

 **C.** Phải bài tiết từ cơ thể ra môi trường những chất không cần thiết.

 **D.** Lấy vật chất từ môi trường đồng hóa các hợp chất đặc trưng cho cơ thể.

**Câu 10.** Hệ cơ quan của cơ thể đa bào là:

 **A.** Nhiều cơ quan giống nhau cùng đảm nhận một chức năng.

 **B.** Nhiều cơ quan khác nhau có chức năng khác nhau.

 **C.** Nhiều cơ quan giống nhau, đảm nhận các chức năng khác nhau.

 **D.** Nhiều cơ quan khác nhau, hoạt động phối hợp cùng thực hiện một chức năng.

**Câu 11.** Vào thế kỉ XVIII, Cac Linne đã chia sinh vật thành 2 giới nào?

 **A.** Sinh vật bậc thấp và sinh vật bậc cao. **B.** Sinh vật nhân sơ và sinh vật nhân thực.

 **C.** Thực vật và động vật. **D.** Tiến hóa thấp và tiến hóa cao.

**Câu 12.** Vào thế kỉ XIX, động vật nguyên sinh được xếp vào giới:

 **A.** Vi sinh vật **B.** Khởi sinh **C.** Thực vật **D.** Động vật

**Câu 13.** Vi khuẩn được xếp vào giới nào?

 **A.** Khởi sinh **B.** Động vật **C.** Nguyên sinh **D.** Nấm

**Câu 14.** Giới khởi sinh **không** có đặc điểm nào?

 **A.** Cơ thể đơn bào **B.** Sống theo phương thức tự dưỡng.

 **C.** Cơ thể chứa tế bào nhân thực. **D.** Sống theo phương thức dị dưỡng.

**Câu 15.** Giới nguyên sinh có những đặc điểm nào?

1. Cơ thể đơn bào hoặc đa bào.
2. Tế bào nhân sơ hoặc tế bào nhân thực.
3. Sống theo phương thức dị dưỡng.
4. Sống theo phương thức tự dưỡng.

Phương án **đúng** là:

 **A.** 1, 3, 4 **B.** 1, 4 **C.** 1, 2, 3, 4 **D.** 1, 3

**Câu 16.** Giới nấm không có đặc điểm nào?

1. Cơ thể đa bào phức tạp.
2. Tế bào nhân sơ.
3. Tế bào nhân thực.
4. Sống theo phương thức tự dưỡng.
5. Sống theo phương thức dị dưỡng.

Phương án **đúng** là:

 **A.** 2 **B.** 3, 4 **C.** 2, 4 **D.** 1, 2, 5

**Câu 17.** Giới thực vật có những đặc điểm nào sau đây?

1. Sống theo phương thức dị dưỡng.
2. Cơ thể đa bào phức tạp.
3. Tế bào nhân thực hoặc tế bào nhân sơ.
4. Sống cố định theo phương thức tự dưỡng.
5. Cơ thể đơn bào hoặc đa bào.

Phương án **đúng** là:

 **A.** 1, 2, 3, 4, 5 **B.** 2, 3, 4, 5 **C.** 2, 3, 4 **D.** 2, 4

**Câu 18.** Đặc điểm nào sau đây **không** thuộc giới động vật?

1. Tế bào nhân sơ.
2. Cơ thể đơn bào hoặc đa bào.
3. Sống chuyển động và theo phương thức dị dưỡng.
4. Cơ thể đa bào phức tạp.

Phương án **đúng** là:

 **A.** 1 **B.** 1, 2, 3 **C.** 1, 2, 3, 4 **D.** 1, 2

**Câu 19.** Tế bào nhân sơ có các đặc điểm:

1. Cấu trúc dưới mức tế bào.
2. Đã có màng nhân nhưng vật chất di truyền ở mức độ sơ khai.
3. Vật chất di truyền chưa được màng nhân bao bọc.
4. Xuất hiện trước sinh vật nhân thực.
5. Tiến hóa hơn so với tế bào nhân thực.

Phương án **đúng**:

 **A.** 1, 3, 4, 5 **B.** 1, 3, 4 **C.** 1, 3 **D.** 1, 2, 3, 4

**Câu 20.** Làm giấm, sữa chua, bia, rượu, tương bần,… là ứng dụng của con người dựa vào hoạt động chuyển hóa của các sinh vật thuộc giới nào thực hiện?

 **A.** giới động vật **B.** giới Khởi sinh **C.** giới Nguyên sinh **D.** giới Nấm

**Câu 21.** Đặc điểm nào sau đây **không** thuộc nhóm động vật nguyên sinh?

 **A.** Không có thành xenlulozo.

 **B.** Không có lục lạp.

 **C.** Cơ thể đa bào.

 **D.** Sống dị dưỡng, cơ thể vận động bằng lông hoặc roi.

**Câu 22.** Nhóm thực vật nguyên sinh có các đặc điểm nào sau đây?

1. Cơ thể đơn bào hoặc đa bào.
2. Có lục lạp nên tự dưỡng quang hợp.
3. Có thể sống theo phương thức tự dưỡng hoặc dị dưỡng tùy vào sự có mặt của lục lạp hay không?
4. Có thành xenlulozo.

Phương án **đúng** là:

 **A.** 1, 2, 4 **B.** 1, 2, 3 **C.** 1, 2, 3, 4 **D.** 2, 4

**Câu 23.** Nấm nhầy có những đặc điểm cơ bản nào?

 **A.** đơn bào, cộng bào; tự dưỡng hoặc dị dưỡng.

 **B.** đa bào, dị dưỡng hoại sinh.

 **C.** đơn bào, cộng bào; tự dưỡng quang hợp.

 **D.** đơn bào, cộng bào; dị dưỡng hoại sinh.

**Câu 24.** Các nhóm sinh vật nào sau đây thuộc giới Nguyên sinh?

1. Nấm nhầy 2. Thực vật nguyên sinh

3. Vi khuẩn lam 4. Vi sinh vật cổ 5. Động vật nguyên sinh

Lựa chọn nào sau đây **đúng**?

 **A.** 1, 2, 3, 5 **B.** 1, 2, 3, 4, 5 **C.** 1, 3, 5 **D.** 1, 2, 5

**Câu 25.** Trong số các phát biểu sau đây, có bao nhiêu phát biểu **đúng**?

1. Nấm là sinh vật thuộc tế bào nhân sơ.
2. Mọi loài nấm đều thuộc cơ thể đa bào dạng sợi.
3. Tùy theo loài, nấm có thể sống tự dưỡng hoặc dị dưỡng.
4. Nấm sinh sản chủ yếu bằng cách nẩy chồi.

 **A.** 1 **B.** 2 **C.** 3 **D.** 4

**Câu 26.** Dạng sinh vật nào sau đây **không** được xếp cùng giới với các dạng sinh vật còn lại?

 **A.** Nấm men **B.** Nấm mốc **C.** Nấm nhầy **D.** Địa y

**Câu 27.** Đặc điểm về cấu tạo nào sau đây **không** thuộc giới thực vật?

1. Cơ thể phân hóa thành nhiều mô, nhiều cơ quan.
2. Là những sinh vật nhân thực, đa bào.
3. Lớp ngoài cùng của tế bào là màng nguyên sinh.
4. Tế bào chứa lục lạp và chất diệp lục.
5. Có không bào phát triển.

Đáp án nào sau đây **đúng**?

 **A.** 3, 5 **B.** 1, 4 **C.** 3 **D.** 2, 3

**Câu 28.** Giới thực vật có đặc điểm dinh dưỡng nào?

1. Tự dưỡng nhờ chứa lục lạp.
2. Thân cành vững chắc nhờ tế bào có mang xenlulozo.
3. Có thể vừa tự dưỡng vừa dị dưỡng.
4. Sử dụng chất vô cơ, tổng hợp chất hữu cơ.
5. Có đời sống cố định.

Đáp án nào sau đây **đúng**?

 **A.** 1, 2, 4 **B.** 1, 2, 5 **C.** 1, 2, 4, 5 **D.** 1, 2, 3, 4, 5

**Câu 29.** Giới động vật có đặc điểm dinh dưỡng nào?

1. Gồm những sinh vật nhân thực hoặc nhân sơ, đơn bào hoặc đa bào.
2. Cơ thể phân hóa thành các mô, cơ quan và các hệ cơ quan.
3. Có hệ cơ quan vận động và hệ thần kinh.
4. Đa phần có khả năng dị dưỡng, một số ít có khả năng tự dưỡng.

Đáp án nào sau đây **đúng**?

 **A.** 2, 3, 4 **B.** 1, 2, 3 **C.** 1, 2, 3, 4 **D.** 2, 3

**Câu 30.** Điều dưới đây **đúng** khi nói về một hệ thống sống:

 **A.** Một hệ thống mở.

 **B.** Có khả năng tự điều chỉnh.

 **C.** Thường xuyên trao đổi chất với môi trường.

 **D.** Cả A, B, C đều đúng.

**Câu 31.** Một hệ thống tương đối hoàn chỉnh bao gồm quần xã sinh vật và môi trường sống của nó được gọi là:

 **A.** Quần thể **B.** Loài sinh vật **C.** Hệ sinh thái **D.** Nhóm quần xã

**Câu 32.** Những giới sinh vật có đặc điểm cấu tạo cơ thể đa bào và có nhân chuẩn là:

 **A.** Thực vật, nấm, động vật **B.** Nguyên sinh, khởi sinh, động vật

 **C.** Thực vật, nguyên sinh, khởi sinh **D.** Nấm, khởi sinh, thực vật

**Câu 33.** Câu có nội **đúng** trong các câu sau đây là:

 **A.** Chỉ có thực vật mới sống tự dưỡng quang hợp.

 **B.** Chỉ có động vật theo lối dị dưỡng.

 **C.** Giới động vật gồm các cơ thể đa bào và cùng có cơ thể đơn bào.

 **D.** Vi khuẩn không có lối sống cộng sinh.

**Sử dụng đoạn câu dưới đây để trả lời các câu hỏi từ 34 đến 38:**

 Động vật nguyên sinh thuộc giới ……….(I) là những sinh vật ……………..(II), sống …………..(III). Tảo thuộc giới …………….(IV), sống ………….(V).

**Câu 34.** Số (I) là:

 **A.** Nguyên sinh **B.** Động vật **C.** Khởi sinh **D.** Thực vật

**Câu 35.** Số (II) là:

 **A.** Đa bào bậc cấp **B.** Đa bào bậc cao **C.** Đơn bào **D.** Đơn bào và đa bào

**Câu 36.** Số (III) là:

 **A.** Tự dưỡng **B.** Dị dưỡng **C.** Kí sinh bắt buộc **D.** Cộng sinh

**Câu 37.** Số (IV) là:

 **A.** Thực vật **B.** Nguyên sinh **C.** Nấm **D.** Khởi sinh

**Câu 38.** Số (V) là:

 **A.** Tự dưỡng theo lối hóa tổng hợp **B.** Tự dưỡng theo lối quang tổng hợp

 **C.** Dị dưỡng theo lối hoại sinh **D.** Kí sinh bắt buộc

**Câu 39.** Cấu trúc nào sau đây được xem là đặc điểm cơ bản nhất để phân biệt giữa động vật có xương sống với động vật thuộc các ngành không có xương sống?

 **A.** Vỏ kitin của cơ thể **B.** Vỏ đá vôi **C.** Hệ thần kinh **D.** Cột sống

**Câu 40.** Giới động vật phát sinh từ dạng sinh vật nào sau đây?

 **A.** Trùng roi nguyên thủy **B.** Vi khuẩn **C.** Tảo đa bào **D.** Nấm

**Câu 41.** Các ngành thuộc giới thực vật gồm:

 **A.** Tảo, rêu, hạt trần, hạt kín **B.** Quyết, tảo, hạt trần, hạt kín

 **C.** Tảo, rêu, quyết, cây xanh **D.** Rêu, quyết, hạt trần, hạt kín

**Câu 42.** Giới động vật được chia làm hai nhóm chính nào?

 **A.** Nhóm động vật ở nước và nhóm động vật ở cạn.

 **B.** Nhóm động vật bậc thấp và nhóm động vật bậc cao.

 **C.** Nhóm động vật đơn bào và nhóm động vật bậc cao.

 **D.** Nhóm động vật không xương sống và nhóm động vật có xương sống.

**Câu 43.** Đặc điểm nào sau đây ở giới động vật có mà giới thực vật không có?

 **A.** Động vật chứa riboxom có chân còn trong tế bào thực vật thì không có chân.

 **B.** Ở tế bào động vật nhân có vai trò sinh lí trung tâm còn vai trò này ở tế bào giới thực vật do lục lạp đảm nhận.

 **C.** Tế bào động vật có màng nguyên sinh còn tế bào thực vật chỉ có màng xenlulozo.

 **D.** Giới động vật có cơ quan vận động và hệ thần kinh còn thực vật thì không.

**Câu 44.** Nhóm động vật nào sau đây được đặc trưng bởi sự đối xứng hai bên?

 **A.** Thủy tức **B.** Trùng lỗ **C.** Dây sống đầu **D.** Da gai

**Câu 45.** Cho các cấp tổ chức của thế giới sống sau:

1. Cấp hệ sinh thái 2. Cấp tế bào

3. Cấp cơ thể 4. Cấp loài

5. Cấp quần thể 6. Cấp quần xã 7. Cấp sinh quyển

Cách sắp xếp nào sau đây theo thứ tự từ tổ chức thấp đến cao?

 **A.** 1-2-3-4-5-6-7 **B.** 2-3-5-4-6-1-7 **C.** 2-3-4-5-6-7-1 **D.** 2-3-5-4-6-7-1

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. C** | **2. A** | **3. B** | **4. B** | **5. C** | **6. C** | **7. B** | **8. C** | **9. A** | **10. D** |
| **11. C** | **12. D** | **13. A** | **14. C** | **15. A** | **16. C** | **17. D** | **18. D** | **19. B** | **20. B** |
| **21. C** | **22. A** | **23. D** | **24. D** | **25. A** | **26. C** | **27. C** | **28. C** | **29. D** | **30. D** |
| **31. B** | **32. A** | **33. C** | **34. A** | **35. C** | **36. B** | **37. D** | **38. A** | **39. D** | **40. A** |
| **41. C** | **42. D** | **43. D** | **44. C** | **45. B** |  |  |  |  |  |

**HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT**

**Câu 1. Đáp án C.**

* Thế giới sống được tổ chức theo nguyên tắc thứ bậc chặt chẽ: Nguyên tử  Phân tử  Bào quan  Tế bào  Mô  Cơ quan  Hệ cơ quan  Cơ thể  Quần thể  Quần xã  Hệ sinh thái  Hệ sinh quyển.

**Câu 2. Đáp án A.**

**Câu 3. Đáp án B.**

Tập hợp nhiều tế bào cùng loại và cùng thực hiện một chức năng nhất định tạo thành là mô.

**Câu 4. Đáp án B.**

Loài là đơn vị phân loại của sinh vật trong tự nhiên. Nó tập hợp các cá thể sinh sống trong một khoảng không gian xác định, giống nhau về các dấu hiệu hình thái, sinh học và sinh thái. Các cá thể của loài này cách biệt về phương diện sinh sản với các cá thể của loài khác.

**Câu 5. Đáp án C.**

Nhắc lại định nghĩa và đặc điểm của tế bào:

* Là cấp tổ chức quan trọng vì nó biểu hiện đầy đủ các đặc tính của cơ thể sống.
* Mọi cơ thể sống đều được cấu tạo từ một hay nhiều tế bào các tế bào chỉ được sinh ra bằng cách phân chia tế bào.

**Câu 6. Đáp án C.**

**Câu 7. Đáp án B.**

Các cá thể cùng loài, sống chung với nhau trong một vùng địa lí nhất định, tạo nên cấp độ sống là quần thể sinh vật.

**Câu 8. Đáp án C.**

Các đặc điểm của một cấp độ tổ chức sống:

* Hệ thống mở: Sinh vật ở mọi tổ chức đều không ngừng trao đổi vật chất và năng lượng với môi trường nên sinh vật không chỉ chịu sự tác động của môi trường mà còn góp phần làm biến đổi môi trường.
* Mọi cấp độ tổ chức sống từ thấp đến cao đều có cơ chế tự điều chỉnh để đảm bảo duy trì và điều hòa sự cân bằng trong hệ thống giúp hệ thống cân bằng và phát triển.
* Các cấp độ tổ chức sống đều phải tương tác với môi trường xung quanh và luôn luôn thay đổi.

**Câu 9. Đáp án A.**

Hệ thống mở: Sinh vật ở mọi tổ chức đều không ngừng trao đổi vật chất và năng lượng với môi trường nên sinh vật không chỉ chịu sự tác động của môi trường mà còn góp phần làm biến đổi môi trường.

**Câu 10. Đáp án D.**

**Câu 11. Đáp án C.**

Vào thế kỉ XVIII, nhà phân loại học Cacline chia tất cả sinh vật thành hai giới: giới động vật và giới thực vật.

* Giới động vật bao gồm những sinh vật không có thành phần xenlulozo, sống dị dưỡng và di chuyển được.
* Giới thực vật bao gồm những sinh vật có thành xenlulozo sống tự dưỡng và cố định.

**Câu 12. Đáp án D.**

Đến thế kỉ XIX, các loài sinh vật như vi khuẩn, nấm, táo, được xếp vào giới thực vật. Còn động vật nguyên sinh được xếp vào giới động vật.

**Câu 13. Đáp án A.**

**Câu 14. Đáp án C.**

Sinh vật thuộc giới khởi sinh chứa tế bào nhân sơ.

**Câu 15. Đáp án A.**

Giới nguyên sinh có những đặc điểm: cơ thể đơn bào hoặc đa bào, phương thức sống theo dị dưỡng hoặc tự dưỡng.

**Câu 16. Đáp án C.**

Nấm là tế bào nhân thực, đa bào, sống theo phương thức dị dưỡng.

**Câu 17. Đáp án D.**

Giới thực vật gồm những sinh vật đa bào, nhân thực, có khả năng quang hợp và là sinh vật tự dưỡng, phần lớn sống cố định, có khả năng cảm ứng chậm.

**Câu 18. Đáp án D.**

Giới động vật gồm những sinh vật nhân thực, dị dưỡng, có khả năng di truyền (nhờ có cơ quan vận động), có khả năng phản ứng nhanh.

**Câu 19. Đáp án B.**

So sánh tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Dấu hiệu so sánh** | **Tế bào nhân sơ** | **Tế bào nhân thực** |
| **Đại diện** | Vi khuẩn các loại | Thực vật, động vật đơn bào, động vật. |
| **Cấu trúc của nhân** | Đã có bộ máy di truyền là một phân tử ADN dạng vòng gọi là vùng nhân, chưa có màng nhân. | Đã có nhân được bao bọc bên ngoài bởi màng kép. |
| **Cấu trúc tế bào và các bào quan** | Chưa có lưới nội chất cùng các bào quan khác như lục lạp, ti thể, bộ máy gongi, không bào, lizoxom | Có mạng lưới nội chất và các bào quan khác như lục lạp, ti thể bộ máy gongi, không bào, lizoxom. |
| **Thành tế bào** | Các thành tế bào, chứa peptidoglican | Ở tế bào thực vật có thành tế bào chứa chủ yếu xunlulozo, ở tế bào động vật không có thành tế bào, chỉ có chất nền ngoại bào. |
| **Kích thước tế bào và các bào quan** | Bé | Lớn |

**Câu 20. Đáp án B.**

Giới Khởi sinh là nhóm vi sinh vật lên men.

**Câu 21. Đáp án C.**

Động vật nguyên sinh có cơ thể đơn bào.

Động vật nguyên sinh rất đa dạng, cơ thể chúng là một tế bào có nhân thực và các bào quan nên tiến hóa hơn các vi sinh vật khác, chúng là sinh vật dị dưỡng như trùng giày, trùng biến hình hoặc tự dưỡng như trùng roi.

**Câu 22. Đáp án A.**

Thực vật nguyên sinh có đặc điểm:

1. Cơ thể đơn bào hoặc đa bào.
2. Có lục lạp nên tự dưỡng quang hợp.
3. Có thành tế bào.

**Câu 23. Đáp án D.**

Nấm nhầy là sinh vật nhân thực, cơ thể tồn tại ở hai pha: pha đơn bào giống trùng amip và pha hợp bào là khối nguyên sinh chất chứa nhiều nhân. Chúng là sinh vật dị dưỡng sống hoại sinh.

**Câu 24. Đáp án D.**

**Câu 25. Đáp án A.**

 1 sai vì nấm không phải là tế bào nhân sơ.

 2 sai vì một số loài nấm thuộc đa bào dạng sợi.

 3 đúng.

 4 sai vì nấm sinh sản bằng bào tử.

**Câu 26. Đáp án C.**

Nấm nhầy thuộc giới nguyên sinh.

Các loại còn lại thuộc giới nấm.

**Câu 27. Đáp án C.**

* Giới thực vật gồm những sinh vật đa bào, nhân thực, có khả năng quang hợp và là sinh vật tự dưỡng, phần lớn sống cố định, có khả năng cảm ứng chậm.
* Giới thực vật được phân thành bốn ngành chính: rêu, quyết, hạt trần, hạt kín. Chúng đều có chung một nguồn gốc là tảo lục đơn bào nguyên thủy.
* Khi chuyển lên đời sống trên cạn, tổ tiên của giới thực vật do phụ thuộc vào điều kiện môi trường khác nhau mà tiến hóa theo hai dòng khác nhau.
* Một dòng hình thành rêu (thể giao tử chiếm ưu thế). Dòng còn lại hình thành quyết, hạt trần, hạt kín (thể bào tử chiếm ưu thế).

**Câu 28. Đáp án C.**

Giới thực vật không có khả năng dị dưỡng.

**Câu 29. Đáp án D.**

Giới động vật gồm những sinh vật nhân thực, dị dưỡng, có khả năng di truyền (nhờ có cơ quan vận động), có khả năng phản ứng nhanh.

Giới động vật được chia thành các ngành chính: thân lỗ, ruột khoang, giup dẹp, giun tròn, giun đốt, thân mềm, chân khớp, da gai và động vật có xương sống như cá, lưỡng cư, bò sát, chim và thú.

Vậy 2,3 đúng.

**Câu 30. Đáp án D.**

**Câu 31. Đáp án B.**

**Câu 32. Đáp án A.**

Những giới sinh vật có đặc điểm cấu tạo cơ thể đa bào và có nhân chuẩn là thực vật, nấm, động vật.

**Câu 33. Đáp án C.**

**Câu 34. Đáp án A.**

Động vật nguyên sinh thuộc giới **nguyên sinh** (I) là những sinh vật **đơn bào** (II), sống **dị dưỡng** (III). Tảo thuộc giới **khởi sinh** (IV) sống **tự dưỡng theo lối hóa tổng hợp** (V).

**Câu 35. Đáp án C.**

**Câu 36. Đáp án B.**

**Câu 37. Đáp án D.**

**Câu 38. Đáp án A.**

**Câu 39. Đáp án D.**

Đặc điểm cơ bản nhất để phân biệt giữa động vật có xương sống với động vật thuộc các ngành không có xương sống là cột sống.

**Câu 40. Đáp án A.**

Động vật thường được coi là tiến hóa từ một loại **trùng roi nguyên thủy** có tế bào nhân chuẩn. Họ hàng gần gũi nhất được biết đến của chúng là Choanoflagellate. Nghiên cứu phân tử đặt động vật trong một siêu nhóm được gọi là opisthokonta (sinh vật lông roi sau), cùng với choanoglagellate, nấm và một số sinh vật nguyên sinh ký sinh nhỏ.

**Câu 41. Đáp án C.**

Các ngành thuộc giới thực vật gồm: tảo, rêu, quyết, cây xanh.

**Câu 42. Đáp án D.**

Giới động vật được chia làm hai nhóm chính: động vật có xương sống và động vật không có xương sống. Điểm khác biệt cơ bản nhất là động vật không xương sống có hệ thần kinh dạng hạch hoặc chuỗi. Còn động vật có xương sống là hệ thần kinh dạng ống.

**Câu 43. Đáp án D.**

Giới thực vật không có cơ quan để di chuyển và không có hệ thần kinh như ở động vật.

**Câu 44. Đáp án C.**

**Câu 45. Đáp án B.**

Nguyên tử  Phân tử  Bào quan  Tế bào  Mô  Cơ quan  Hệ cơ quan  Cơ thể  Quần thể  Quần xã  Hệ sinh thái  Hệ sinh quyển.